

Αρχική Κατάταξη

A/A		Όνομα	FIDE ID	ΧΩΡ	Έλο	φύλο	Τυπ.	Ομ.
1	CM	Λέ, Phan Hoàng Quân	12432881	VIE	2282		U11	x
2		Nguyễn, Huỳnh Tuấn Hải	12402923	VIE	2178			x
3	CM	Trần, Võ Quốc Bảo	12425184	VIE	2168			
4	ACM	Bùi, Quang Huy	12431265	VIE	2121		U13	
5	AFM	Phan, Hoàng Bách	12450626	VIE	1933		U13	
6	ACM	Nguyễn, Trung Quân	12445479	VIE	1821		U13	x
7		Ngô, Minh Hằng	12426768	VIE	1809	w		x
8		Dương, Ngọc Ngà	12429252	VIE	1781	w	U13	
9		Võ, Nguyễn Thiên Ân	12436305	VIE	1771		U11	x
10		Nguyễn, Đức Khải	12436224	VIE	1744		U13	x
11		Λέ, Huy Bằng	12460044	VIE	1636		U11	
12		Nguyễn, Việt Dũng	12431680	VIE	1616		U13	
13		Đào, Khánh Lâm	12445975	VIE	1607		U13	x
14	AIM	Ngô, Thanh Tú	12426776	VIE	1599		S35	x
15		Λέ, Hồng Ân	12446769	VIE	1565	w	U09	x
16		Trình, Minh Anh	12488747	VIE	1518	w	U07	
17	AIM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	1515		U07	c
18		Nguyễn, Thiên Ngân	12447854	VIE	1410	w	U11	
19	AFM	Đỗ, Ngọc Minh Long	561013510	VIE	0		U09	

Θα βρείτε όλες τις πληροφορίες για αυτό το τουρνουά στο <https://chess-results.com/tnr1491796.aspx?lan=19>

Chess-Tournament-Results-Server: Chess-Results